

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 07/2019/KDTM-ST

Ngày: 28/11/2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Trung Hiến**

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Văn Sang**

Ông Lư Thành Danh

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Lai Ngọc Trí** – Thư ký
Tòa án nhân dân quận C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa:* Ông
Lê Văn Quốc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 291/2019/QĐXX - ST ngày 25 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 188/2019/QĐST-DS ngày 13/11/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đầu Tư và phát triển Việt Nam (BIDV)

Địa chỉ: 35, Hàn Vôi, phường Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Đức Tú** – Tổng giám đốc

Đơn vị được ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng: Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Hậu Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Ngọc Duyệt** – Giám đốc chi nhánh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Tứ P.** Văn bản ủy quyền ngày 16.11.2018. Có mặt.

Địa chỉ: Nguyễn Công Trứ, phường 1, thành phố V, tỉnh H.

Bi đơn: Bà **Nguyễn Thành Ngọc H**, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: khu vực Yên Hạ, phường L, quận C, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Tử P trình bày:*

Ngân hàng TMCP phát triển nhà Đồng bằng sông cửu Long – Chi nhánh Hậu Giang (nay là Ngân hàng TMCP Đầu Tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang) có ký kết với bà Nguyễn Thành Ngọc H 01 hợp đồng tín dụng số N.A 0132/13/HĐTD ngày 26/06/2013 với số tiền vay là 2.000.000.000 đồng, mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh dịch vụ cầm đồ. Thời hạn cho vay: 12 tháng; Lãi suất trong hạn khi ký Hợp đồng tín dụng: 13%/năm (lãi suất này có thể thay đổi theo từng thời kỳ). lãi suất đang áp dụng hiện nay là: 10.1%/năm. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Trả nợ gốc: Trả một lần khi đến hạn; Trả lãi hàng tháng; Số tiền gốc đã trả: 850.000.000 đồng. Số tiền đã trả lãi trong hạn: 128.000.000 đồng, Tổng dư nợ gốc đến ngày 16/11/2018 là: 1.150.000.000 đồng; Tổng số tiền nợ lãi đến ngày 16/11/2018 là 696.474.646 đồng; Trong đó nợ lãi trong hạn là 607.771.987 đồng, nợ lãi quá hạn là 88.702.659 đồng. Để đảm bảo cho số nợ vay tại Ngân hàng bà H đã ký một hợp đồng thế chấp bất động sản số N.A 0132/12/HĐTC ngày 26/6/2013. Theo đó, bà H đồng ý thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 141753 do ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp ngày 21/10/2009, thửa đất số 397, tờ bản đồ 59, Diện tích sử dụng: Đất ODT, thời hạn sử dụng lâu dài, nguồn gốc sử dụng: Công nhận GCN QSDĐ; Tài sản gắn liền với đất: Nhà cấp 4, 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; Diện tích xây dựng: 187.20 m², Diện tích sử dụng: 365.23 m², chất lượng: 90%, địa chỉ nhà và đất tọa lạc tại: số 34/38 đường Tâm Vu, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ do bà Nguyễn Thành Ngọc H đứng tên chủ sử dụng.

Ngày 26/6/2013 bà H ký giấy nhận nợ theo HĐTD số N.A 0132/13/HĐTD ngày 26/06/2013 để nhận chuyển khoản số tiền 2.000.000.000 đồng. Trong quá trình vay vốn bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi khi đến hạn. Ngày 07/6/2019 bà H đã trả hết nợ gốc với số tiền là 1.150.000.000 đồng, còn nợ tiền lãi 775.069.480 đồng. Phía Ngân hàng cũng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng nhưng bà H vẫn không thực hiện. Vì vậy,

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn bà H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 12/11/2019 là: 775.069.480 đồng, trong đó tổng dư nợ là 0 đồng; tổng tiền nợ lãi là 775.069.480 đồng. (Trong đó: nợ lãi trong hạn là 673.267.682 đồng, nợ lãi quá hạn là 101.801.798 đồng). Trường hợp bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo đã thế chấp để thu hồi nợ. Ngoài ra, bà H còn phải chịu toàn bộ chi phí khởi kiện, phí thi hành án và các chi phí khác phát sinh trong thời gian xét xử và thi hành án.

Đối với bị đơn Nguyễn Thành Ngọc H: Được Tòa án triệu hợp lệ 02 lần nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/11/2019 nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền : 775.069.480 đồng, trong đó tổng dư nợ là 0 đồng do bị đơn đã trả tiền gốc 1.150.000.000 đồng cho nguyên đơn vào ngày 07/6/2019; tổng tiền nợ lãi là 776.179.162 đồng. (Trong đó: nợ lãi trong hạn là 674.289.801 đồng, nợ lãi quá hạn là 101.889.361 đồng). Trường hợp bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo đã thế chấp để thu hồi nợ. Ngoài ra, bà H còn phải chịu toàn bộ chi phí khởi kiện, phí thi hành án và các chi phí khác phát sinh trong thời gian xét xử và thi hành án.

Bị đơn Nguyễn Thành Ngọc H tiếp tục vắng mặt.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Tòa thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải đúng luật định; gửi các văn bản tố tụng và hồ sơ cho Viện kiểm sát, đưa ra xét xử đúng hạn. Tại tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo luật định. Bị đơn vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 1.150.000.000 đồng và chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến nhận xét và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì quan hệ được xác định đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” với mục đích *bổ sung vốn kinh doanh dịch vụ cầm đồ, bị đơn có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho nên tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận cho nên xác định đây là vụ án Kinh doanh thương mại* và bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt bị đơn bà H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Đối với yêu cầu trả nợ: Vào ngày 26/06/2013 Ngân hàng TMCP phát triển nhà Đồng bằng sông cửu Long – Chi nhánh Hậu Giang (nay là Ngân hàng TMCP Đầu Tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang) có ký kết với bà Nguyễn Thành Ngọc H 01 hợp đồng tín dụng số N.A 0132/13/HĐTD để cho bà H vay số tiền là 2.000.000.000 đồng, mục đích vay: *Bổ sung vốn kinh doanh dịch vụ cầm đồ*. Thời hạn cho vay: 12 tháng; Lãi suất trong hạn khi ký Hợp đồng tín dụng: 13%/năm (lãi suất này có thể thay đổi theo từng thời kỳ). lãi suất đang áp dụng hiện nay là: 10.1%/năm. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Trả nợ gốc: Trả một lần khi đến hạn; Trả lãi hàng tháng. Để đảm bảo cho số nợ vay tại Ngân hàng bà H đã ký một hợp đồng thế chấp bất động sản số N.A 0132/12/HĐTC ngày 26/6/2013. Theo đó, bà H đồng ý thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số AO 141753 do ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp ngày 21/10/2009, thửa đất số 397, tờ bản đồ 59, Diện tích sử dụng: Đất ODT, thời hạn sử dụng lâu dài, nguồn gốc sử dụng: Công nhận GCN QSDĐ; Tài sản gắn liền với đất: Nhà cấp 4, 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; Diện tích xây dựng: 187.20 m², Diện tích sử dụng: 365.23 m², chất lượng: 90%, địa chỉ nhà và đất tọa lạc tại: số 34/38 đường Tầm Vu, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ do bà Nguyễn Thành Ngọc H đứng tên chủ sử dụng. Ngày 26/6/2013 bà H ký giấy nhận nợ theo HĐTD số N.A 0132/13/HĐTD ngày 26/06/2013 để nhận chuyển khoản số tiền 2.000.000.000 đồng. Tính đến nay, bà H đã trả nợ gốc cho Ngân hàng được 2.000.000.000 đồng, trả lãi được 128.000.000 đồng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả tổng số tiền 775.069.480 đồng, và xin rút yêu cầu trả nợ gốc đối với bị đơn. Cụ thể tổng dư nợ gốc là 0 đồng; tổng tiền nợ lãi là 775.069.480 đồng. (Trong đó: nợ lãi trong hạn là 673.267.682 đồng, nợ lãi quá hạn là 101.801.798 đồng). Đối với bị đơn Nguyễn Thành Ngọc H đã được Tòa án triệu tập để giải quyết vụ án nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do cho thấy bị đơn cố tình trốn tránh, kéo dài thời gian trả nợ. Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ cho yêu cầu khởi kiện của mình. Do đó, nhận thấy yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thành Ngọc H trả cho nguyên đơn tổng số tiền 776.179.162 đồng, trong đó tổng dư nợ gốc là 0 đồng; tổng tiền nợ lãi là 776.179.162 đồng. (Trong đó: nợ lãi trong hạn là 674.289.801 đồng, nợ lãi quá hạn là 101.889.361 đồng).

+ Đối với yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo: Để đảm bảo cho khoản vay bà H đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 141753 do ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp ngày 21/10/2009, thửa đất số 397, tờ bản đồ 59, Diện tích sử dụng: Đất ODT, thời hạn sử dụng lâu dài, nguồn gốc sử dụng: Công nhận GCN QSDĐ; Tài sản gắn liền với đất: Nhà cấp 4, 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; Diện tích xây dựng: 187.20 m², Diện tích sử dụng: 365.23 m², chất lượng: 90%, địa chỉ nhà và đất tọa lạc tại: số 34/38 đường Tầm Vu, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ do bà Nguyễn Thành Ngọc H đứng tên chủ sử dụng theo hợp đồng thế chấp bất động sản số N.A 0132/12/HĐTC ngày

26/6/2013. Hợp đồng thế chấp này đã được công chứng và đăng ký thế chấp theo đúng qui định.

Tại khoản 7.1 của Điều 7 của Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số N.A.0132.13/HĐTC ngày 26/06/2013 về Xử lý tài sản thế chấp có ghi: “7.1 – Hai bên thống nhất sẽ xử lý TSTC để thu hồi vốn vay khi: - Nợ đến hạn trả (tính cả thời gian cơ cấu nợ, nếu có) mà bên B không trả đủ gốc và lãi...”. Thực tế bị đơn bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho nên việc Nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp của bị đơn để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Số tiền 3.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận cho nên bị đơn bà H phải chịu chi phí này. Bà H có trách nhiệm hoàn lại số tiền 3.000.000 đồng cho nguyên đơn ở giai đoạn thi hành án.

[5] Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Với những phân tích nêu trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, , Điều 156, Điều 157, Điều 158 khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH K14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc 1.150.000.000 đồng.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thành Ngọc H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tổng số tiền 776.179.162 đồng, trong đó tổng dư nợ gốc là 0 (không) đồng; tổng tiền nợ lãi là 776.179.162 đồng. (Trong đó: nợ lãi trong hạn là 674.289.801 đồng, nợ lãi quá hạn là 101.889.361 đồng).

Bị đơn còn phải trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết từ sau ngày 28/11/2019 cho đến khi trả dứt nợ.

Trường hợp bị đơn không thanh toán số nợ trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản mà bị đơn đã thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp bất động sản số N.A 0132/12/HĐTC ngày 26/6/2013 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 141753 do ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp ngày 21/10/2009 do bà Nguyễn Thành Ngọc H đứng tên chủ sử dụng.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn bà H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định với số tiền là 3.000.000 đồng. Bà H có trách nhiệm hoàn lại số tiền 3.000.000 đồng cho nguyên đơn ở giai đoạn thi hành án.

2. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thành Ngọc H phải nộp 35.047.166 đồng (Ba mươi lăm triệu không trăm bốn mươi bảy ngàn một trăm sáu mươi sáu đồng). Nguyên đơn được nhận lại số tiền 33.697.000 đồng (Ba mươi ba triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 007319 ngày 16/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận C.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. C;
- Chi cục THA Q. C;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Trung Hiến